

Bản án số: 155/2022/HSST
Ngày: 28/7/2022

**N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN N DÂN QUẬN LB, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Nga

Các Hội thẩm N dân

1) Ông Nguyễn Văn Đông

2) Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thu Hà – Thư ký Tòa án N dân quận LB, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện viện kiểm sát N dân quận LB-Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân quận LB, Thành phố Hà Nội- Tòa án N dân quận LB, Thành phố Hà Nội đã xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 121/2022, ngày 01 tháng 6 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2022/HSST-QĐ ngày 28/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: NCC sinh năm 2001. HKTT và chỗ ở: NC, xã MĐ, huyện TD, tỉnh BN. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Con ông: NCT sinh năm 1972. Con bà: NTH sinh năm 1971. Gia đình có 2 anh em bị cáo là thứ nhất. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000229 lập ngày 27/3/2022 tại Công an quận LB và lý lịch bị can thể hiện bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo đầu thú và tạm giữ ngày 17/3/2022, ngày 25/3/2022 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: NVT, sinh năm: 1998. HKTT và chỗ ở: NC, xã MĐ, huyện TD, tỉnh BN. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 9/12. Con ông: Không rõ. Con bà: NTH sinh năm 1962. Bị cáo là duy nhất. Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 000000221 lập ngày 28/3/2022 tại Công an quận LB và lý lịch bị can thể hiện bị cáo chưa có tiền án tiền sự.

Bị cáo đầu thú và tạm giữ ngày 17/3/2022, ngày 25/3/2022 hủy bỏ biện pháp tạm giữ, hiện áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa

Người bị hại: Anh NKL sinh năm 1975. Trú tại: NC, xã MĐ, huyện TD, tỉnh BN. (có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan: Anh VVN sinh năm 1987. Trú tại: xã HS, huyện TD, tỉnh BN. (vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trước đây C có ở phòng trọ cùng với anh L sau đó đến ngày 10/3/2022 thì không ở cùng nữa. Đến ngày 13/3/2022, do không có tiền tiêu xài nên C nhờ T chở lên phòng trọ của anh L để tìm việc làm, T đồng ý, điều khiển chiếc xe máy Honda Vision BKS: 99C1 – 488.45 chở C đến phòng trọ của anh L tại tổ 11 phường T – LB – Hà Nội. T điều khiển xe máy về trước còn C đi vào trước cửa phòng trọ, tại đây C đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave BKS: 99C1 – 276.44 của anh L bán lấy tiền tiêu xài. Lợi dụng việc không có ai ở nhà và biết được chỗ để chìa khóa, C lấy chìa khóa nhà treo ở cửa sổ mở cửa phòng trọ rồi lấy chìa khóa xe máy ra khởi động xe đi tìm chỗ tiêu thụ. C điều khiển chiếc xe Honda Wave BKS: 99C1 – 276.44 đi đến khu vực đường NGT - LB – Hà Nội thì gặp T đang đợi đèn đỏ. C nói với T là vừa trộm được chiếc xe đang đi và nhờ chỉ cho chỗ bán chiếc xe, T đồng ý. T điều khiển chiếc xe máy Honda Vision BKS: 99C1 – 488.45 dẫn đường cho C đến cửa hàng cầm đồ của anh VVN (Sn: 1987, HKTT: HS – TD – BN). T chỉ C vào cầm cố chiếc xe cho N, C đi vào quán cầm đồ còn T đứng ở ngoài. N nhận cầm cố chiếc xe trên với giá 2.000.000 đồng, C cầm số tiền trên rồi đi ra để T chở đi. Trên đường đi C cho T 100.000 đồng để đổ xăng rồi rủ T đi chơi điện tử, C trả tiền điện tử cho cả hai hết 100.000 đồng để cảm ơn T việc chỉ chỗ để tiêu thụ xe máy rồi T đưa C về nhà trọ. Số tiền còn lại C đã dùng để tiêu xài cá N hết. Nhận thức được hành vi vi phạm của mình nên ngày 17/3/2022, C và T đã đến Công an phường T – LB – Hà Nội đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tang vật thu giữ: 01 chiếc xe Honda Wave BKS: 99C1 – 276.44 , 01 chiếc xe máy Honda Vision BKS: 99C1 – 488.45, 01 CMND mang tên NCC, 01 hợp đồng cầm đồ của NCC và VVN, 01 quần bò dài màu xanh, 01 áo khoác màu đen có kẻ trắng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐGTS của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự quận LB kết luận: 01 chiếc xe Honda Wave Alpha màu xanh đen bạc BKS: 99C1 – 276.44 trị giá 6.934.000 đồng. (*Sáu triệu chín trăm ba mươi tư nghìn đồng*)

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát N dân quận LB đã truy tố bị cáo NCC về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và bị cáo NVT bị truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm

Các bị cáo khai nhận hành vi mà các bị cáo đã thực hiện như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm N dân quận LB sau khi tóm tắt nội dung sự việc, đánh giá lời khai của bị cáo và các tài liệu có trong hồ sơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo; trình bày lời luận tội và đề nghị như sau:

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt NCC từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 323, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt NVT từ 8 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng.

Về dân sự: Không

Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng dân sự: Trả lại chiếc xe máy Honda Vision BKS: 99C1 – 488.45 cho NVT. Tịch thu tiêu hủy 01 quần bò dài màu xanh, 01 áo khoác màu đen có kẻ trắng thu giữ của C

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo sau khi nghe quan điểm luận tội của Viện kiểm sát N dân quận LB, các bị cáo thừa nhận có tội và thừa nhận đã có hành vi Trộm cắp tài sản của mình là sai, vi phạm pháp luật. Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận LB, Thành phố Hà Nội, Điều tra viên; Viện kiểm sát N dân quận LB, Thành phố Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên Tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thấy có đủ cơ sở kết luận: Ngày 13/3/2022, tại phòng trọ tổ 11 phường T, LB, Hà Nội, NCC có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe Honda Wave BKS: 99C1 – 276.44 của anh NKL, trị giá 6.934.000 đồng, sau đó NVT biết chiếc xe máy trên do C trộm cắp nhưng vẫn giúp sức cho NCC tiêu thụ xe. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội lần này của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Bộ luật hình sự bảo vệ và gây mất trật tự trị an xã hội.

Viện kiểm sát N dân quận LB truy tố bị cáo C về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự và truy tố bị cáo T về tội “Tiêu thụ tài sản do

người khác phạm tội mà có ” là hoàn toàn đúng người, đúng tội. Tuy nhiên Viện kiểm sát xác định đây là vụ án đồng phạm và đề nghị áp dụng Điều 15 và Điều 58 của Bộ luật hình sự là không đúng vì: Trước khi thực hiện hành vi trộm cắp giữa bị cáo C và bị cáo T không có sự bàn bạc, phân công. Bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp bị cáo T không biết, chỉ sau khi bị cáo C trộm cắp được chiếc xe thì bị cáo T mới biết. Do vậy bị cáo T không phải là đồng phạm với bị cáo C trong hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo C. Sau khi bị cáo C lấy trộm được xe thì bị cáo T mới biết và bị cáo C nhờ T chỉ chỗ cầm cố chiếc xe bị cáo C trộm cắp được. Bị cáo T biết rõ đây là chiếc xe bị cáo C trộm cắp được nhưng vẫn đưa bị cáo C đi cầm cố xe. Do vậy bị cáo T mới phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Bị cáo C không thể đồng phạm với hành vi của bị cáo T. Hai bị cáo phạm tội độc lập hai tội không phải là đồng phạm với nhau.

[3]. Về N thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo C và bị cáo T đều chưa có tiền án tiền sự; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng: Không.

[4]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, N thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đã viện dẫn, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo, xong cũng xét tại cơ quan điều tra cũng như tại cơ quan điều tra các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tài sản trộm cắp đã thu hồi trả cho người bị hại, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng có tác dụng giáo dục đối với các bị cáo.

Về hành phạt bổ sung: Các bị cáo đều là lao động tự do, thu nhập không ổn định, giá trị tài sản trộm cắp không lớn do vậy thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. Về dân sự: Anh NKL đã nhận lại chiếc xe Honda Wave BKS: 99C1 – 276.44 không yêu cầu bồi thường gì khác do vậy HĐXX không xem xét giải quyết

[6]. Xử lý vật chứng: Không

[7]. Các vấn đề khác:

Đối với anh VVN, tài liệu điều tra xác định anh N không biết chiếc xe máy mà C cầm cố là do trộm cắp mà có. Tuy nhiên việc N nhận cầm cố tài sản là chiếc xe Honda Wave BKS: 99C1 – 276.44 nhưng không có giấy ủy quyền hợp lệ của người chủ sở hữu cho người mang tài sản đi cầm cố đã vi phạm quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 12 Nghị định 144/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ. Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt hành chính là đúng pháp luật.

Đối với chiếc xe máy Honda Vision BKS: 99C1 – 488.45, qua điều tra xác định đăng ký chính chủ NVT, chiếc xe được T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên đây là chiếc xe máy T sử dụng đi lại hàng ngày, hành vi phạm tội của bị cáo là nảy sinh bất chợt, do vậy thấy cần trả lại cho bị cáo.

Đối với 01 quần bò dài màu xanh, 01 áo khoác màu đen có kẻ trắng thu giữ của C là bộ quần áo C mặc khi trộm cắp tài sản của anh L đã được camera ghi lại. Đây là tài sản hợp pháp của C nên trả lại cho bị cáo C. Tại phiên tòa bị cáo C không đề nghị nhận lại số quần áo này vì đã cũ không sử dụng nữa, Do vậy cho tịch thu tiêu hủy.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, những người tham gia tố tụng có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo NCC phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo NVT phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”

1. Áp dụng khoản 1 điều 173, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: NCC 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo C cho Ủy ban N dân xã MĐ, huyện TD, tỉnh BN để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 323, Điểm i, s khoản 1,2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: NVT 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo T cho Ủy ban N dân xã MĐ, huyện TD, tỉnh BN để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Áp dụng 47 của Bộ luật hình sự; các Điều 106, 135, 299, 326, 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật Thi hành án.

Trả lại cho bị cáo NVT 01 chiếc xe máy Honda Vision BKS: 99C1 – 488.45.

Tịch thu tiêu hủy: 01 quần bò dài màu xanh, 01 áo khoác màu đen có kẻ trắng.

Tất cả đồ hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận LB theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31 tháng 5 năm 2022.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan có quyền kháng cáo những vấn đề có L quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKS quận LB;
- Công an quận LB
- TAND Thành phố Hà Nội,
- VKSND TP Hà Nội;
- Phòng quản lý hồ sơ nghiệp vụ Công An Thành phố Hà Nội;
- Thi hành án dân sự quận LB
- Bộ tư pháp
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thu Nga